

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025
của ngân sách các cấp thuộc tỉnh An Giang**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh An Giang áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp;
2. Các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.
3. Các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn thể các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc; các đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.
4. Các cơ quan, hội, đoàn thể các xã phường, thị trấn và các đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.
5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp tỉnh An Giang

Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và điểm a khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng địa phương.
2. Ngân sách xã, phường, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất.

3. Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025: Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách.

Chương II **PHÂN CẤP NGUỒN THU**

Điều 4. Nguồn thu ngân sách tỉnh hưởng 100%

1. Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu):
 - a) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các đơn vị sự nghiệp do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
 - b) Thu từ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
 - c) Các đơn vị khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí):
 - a) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
 - b) Thu từ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
 - c) Các đơn vị khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước:
 - a) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
 - b) Thu từ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
 - c) Các đơn vị khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
4. Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
5. Thuế thu nhập cá nhân do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.
6. Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu).
7. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.
8. Lệ phí môn bài:
 - a) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các đơn vị sự nghiệp do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.

b) Thu từ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.

c) Các đơn vị khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.

9. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.

10. Tiền sử dụng đất do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.

11. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.

12. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu.

13. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

14. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định hiện hành của Chính phủ về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

15. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

16. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

17. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho tỉnh.

18. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu.

19. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

20. Tiền đền bù thiệt hại đất thuộc cấp tỉnh quản lý.

21. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

22. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

23. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.

24. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

25. Thu kết dư ngân sách địa phương.

26. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

27. Thu chuyển nguồn ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

28. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế đối với các khoản thuế do cấp tỉnh quản lý.

Điều 5. Nguồn thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) hưởng 100%

1. Thuế tài nguyên do cấp huyện trực tiếp quản lý thu, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.
2. Thuế thu nhập cá nhân do cấp huyện trực tiếp quản lý thu.
3. Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp theo quy định do cấp huyện trực tiếp quản lý thu.
4. Lệ phí trước bạ do cấp huyện quản lý thu, không kể lệ phí trước bạ nhà, đất.
5. Lệ phí môn bài:
 - a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các đơn vị sự nghiệp; các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; tổ chức kinh tế khác do cấp huyện trực tiếp quản lý thu.
 - b) Thu từ cá nhân, hộ gia đình hoạt động kinh doanh hàng hóa dịch vụ có doanh thu trên 300 triệu đồng/năm.
6. Tiền sử dụng đất do cấp huyện trực tiếp quản lý thu.
7. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước do cấp huyện trực tiếp quản lý thu.
8. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp huyện trực tiếp quản lý thu.
9. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý thu.
10. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện.
11. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định xử phạt, tịch thu.
12. Tiền đền bù thiệt hại đất thuộc cấp huyện quản lý.
13. Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
14. Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.
15. Thu kết dư ngân sách cấp huyện.
16. Thu bổ sung cân đối ngân sách, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.
17. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.
18. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế đối với các khoản thuế do cấp huyện quản lý.

Điều 6. Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi là cấp xã) hưởng 100%

1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.
2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

3. Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp theo quy định do cấp xã trực tiếp quản lý thu.

4. Lệ phí trước bạ nhà, đất.

5. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ gia đình hoạt động kinh doanh hàng hóa dịch vụ có doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm.

6. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

7. Tiền đền bù thiệt hại đất thuộc cấp xã quản lý.

8. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã.

9. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện.

10. Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

11. Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.

12. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

13. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

14. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

15. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế đối với các khoản thuế do cấp xã quản lý.

Điều 7. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện

1. Thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân, hộ, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cấp huyện trực tiếp quản lý thu (không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, thu từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các đơn vị sự nghiệp, hoạt động xổ số kiến thiết; thuế giá trị gia tăng thu từ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu từ các đơn vị khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu), bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cấp huyện trực tiếp quản lý thu (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí; thu từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hoạt động xổ số kiến thiết; thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu từ các đơn vị khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu), bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước thu từ cá nhân, hộ, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cấp huyện trực tiếp quản lý thu (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hoạt động xổ số kiến thiết; thuế

tiêu thụ đặc biệt thu từ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu từ các đơn vị khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu), bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Chương III PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 8. Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các dự án do cấp tỉnh quản lý và hỗ trợ đầu tư các dự án theo quy định tại Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Đối với khoản chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý: Trả nợ vay đầu tư cụm tuyến dân cư vượt lũ, chi bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh và kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Riêng nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh quản lý từ việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh bảo đảm theo quy định.

b) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, gồm:

- Sự nghiệp giáo dục, gồm chi hoạt động giáo dục các trường trung học phổ thông, trường trẻ em khuyết tật và các hoạt động khác về giáo dục do cấp tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề, gồm chi hoạt động đào tạo trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do tỉnh quản lý.

c) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

d) Sự nghiệp y tế, bao gồm phòng bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các hoạt động y tế khác, dân số và kế hoạch hoá gia đình.

đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin; bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác do tỉnh quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác do tỉnh quản lý.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao; bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác do tỉnh quản lý.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do tỉnh quản lý.

i) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biên báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi bảo vệ, phòng chống cháy rừng, khoanh nuôi, bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

- Các sự nghiệp kinh tế khác do tỉnh quản lý.

k) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do tỉnh quản lý.

l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thuộc cấp tỉnh.

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định.

n) Các khoản chi thường xuyên khác do tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện.

Điều 9. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án theo quy định tại Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương.

b) Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất do huyện quản lý thu sử dụng để chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, số còn lại dành tối thiểu 80% để tập trung đầu tư cho các dự án phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó ưu tiên đầu tư các dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo lộ trình, đề án của huyện.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở cấp huyện được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách cấp huyện bảo đảm.

b) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, gồm:

- Sự nghiệp giáo dục, gồm chi hoạt động giáo dục các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mẫu giáo, mầm non và hoạt động khác về giáo dục do cấp huyện quản lý.

- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề, gồm chi hoạt động đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn, các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do cấp huyện quản lý.

c) Sự nghiệp y tế: Chi hoạt động bảo vệ sức khỏe cán bộ do cấp huyện quản lý.

d) Sự nghiệp văn hoá thông tin, bao gồm biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý.

đ) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác do cấp huyện quản lý.

e) Sự nghiệp thể dục thể thao; bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp huyện; các giải thi đấu cấp huyện; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác do cấp huyện quản lý.

g) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp huyện quản lý.

h) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp huyện quản lý.

- Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện quản lý.

i) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp huyện quản lý.

k) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thuộc cấp huyện.

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện theo quy định.

m) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Điều 10. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình theo phân cấp.

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi thường xuyên:

a) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh, đảm bảo xã hội, hỗ trợ giáo dục đào tạo, hoạt động bảo vệ môi trường và các hoạt động sự nghiệp khác do cấp xã quản lý.

b) Kinh phí hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã.

c) Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã.

d) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội do cấp xã quản lý.

đ) Các khoản chi thường xuyên khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Chương IV

TỶ LỆ (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN TRONG NĂM ĐẦU CỦA THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH

Điều 11. Nguyên tắc tính tỷ lệ phân chia (%) giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện

1. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và dự toán ngân sách nhà nước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân chia (%) các khoản thu giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.

2. Tỷ lệ phân chia (%) các khoản thu được áp dụng chung đối với tất cả các khoản thu phân chia.

3. Đối với các huyện sau khi đã thực hiện để lại 100% các khoản thu phân chia mà nhiệm vụ chi vẫn lớn hơn nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng, thì ngân sách tỉnh sẽ thực hiện bổ sung cân đối cho ngân sách huyện tương ứng với số chênh lệch giữa nguồn thu và nhiệm vụ chi.

Điều 12. Xác định tỷ lệ (%) phân chia

1. Gọi A là tổng số chi ngân sách của huyện (sau khi trừ số chi bổ sung cho ngân sách cấp xã, chi chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau).

2. Gọi B là tổng số các khoản thu của ngân sách huyện được hưởng 100% (sau khi trừ số thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu kết dư, thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang).

3. Gọi C là tổng số các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.

a) Nếu $A - B < C$ thì tỷ lệ (%) phân chia được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ (\%)\ phân chia} = \frac{A - B}{C} \times 100\%$$

b) Nếu $A - B \geq C$ thì tỷ lệ (%) phân chia được xác định bằng 100% và phần chênh lệch sẽ được ngân sách tỉnh bổ sung.

Chương V XÁC ĐỊNH BỔ SUNG

$$\text{Mức bổ sung} = \text{Tổng số chi ngân sách huyện (A)} - \left[\begin{array}{l} \text{Tổng số thu NS} \\ \text{huyện được} \\ \text{hưởng 100\%} \end{array} \text{ (B)} + \left[\begin{array}{l} \text{Tổng số các khoản} \\ \text{thu phân chia giữa} \\ \text{NS tỉnh và NS huyện} \end{array} \right] \text{ (C)} \right]$$